

Bản án số: 331/2024/DS-PT

Ngày: 21/5/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phí Thành Chung

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Văn

Ông Trương Chí Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLPT-DS ngày 10/4/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2024/QĐ-PT ngày 03/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2024/QĐHPT-PT ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Lê Văn Đ, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn X, T, S, Hà Nội. (Vắng mặt)

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn T – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và anh Đ là hàng xóm của nhau. Anh Lê Văn Đ sang nhà ông vay tiền, ông đồng ý cho anh Đ vay tiền. Ngày 08/01/2010 âm lịch anh Đ vay của ông số

tiền 1.000.000đ, hai bên có viết hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 08/01/2010 âm lịch. Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp là mẫu có sẵn của ông và anh Đồng đ nội dung vào. Nội dung của Hợp đồng là anh Đ vay của ông số tiền 1.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 08/01/20210 âm lịch đến ngày 08/06/2020 âm lịch, lãi suất là 0,05%/ngày. Tuy hợp đồng có ghi về việc cho vay có thể chấp nhưng trên thực tế anh Đ không thể chấp tài sản, giấy tờ gì cho ông. Toàn bộ nội dung Hợp đồng là do anh Đ viết, riêng số 2 trong “năm 2020” là do ông sửa từ số 1 thành số 2, có sự chứng kiến của anh Đ vì khi đó ông có hỏi anh Đ là vay lâu dài không, anh Đ nói có nên hai bên thỏa thuận vay thời hạn 10 năm. Tên anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 là do ông gạch. Do trước đó, anh T1, anh T2 có góp vốn kinh doanh cùng ông nhưng sau đó đã rút hết vốn, mẫu hợp đồng có sẵn từ trước vẫn đánh tên anh T2, anh T1 nên ông phải gạch đi. Thực tế số tiền 1.000.000 đồng anh Đ vay là tiền của ông không liên quan gì đến anh T1, anh T2. Sau khi anh Đ vay tiền của ông, anh Đ không trả lãi theo cam kết. Đến khi hết hạn ông đòi nhưng anh Đ cũng không trả. Đến nay, anh Đ chưa trả cho ông đồng nào. Ông yêu cầu anh Đ phải trả cho ông số tiền cụ thể như sau: Tiền gốc là 1.000.000 đồng; Tiền lãi: Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất thì anh Đ phải trả cho ông tiền lãi là: $1.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 13 \text{ năm} \times 11 \text{ tháng} = 2.783.000 \text{ đồng}$. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh Đ phải chịu lãi chậm trả là: $2.783.000 \text{ đồng} \times 150\% = 4.174.500 \text{ đồng}$. Ông yêu cầu Tòa án buộc anh Đ phải trả ông số tiền tính đến ngày 30/11/2023 là: 7.957.500 đồng. Ngoài ra, anh Đ phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 30/11/2023 đến khi xét xử vụ án. Hợp đồng về việc cho vay có thể chấp ngày 08/01/2010 âm lịch ông nộp cho Tòa án là bản gốc, anh Đồng viết mực đen còn ông gạch mực xanh. Khi anh Đ viết Hợp đồng thì ông đã gạch tên anh T1, anh T2 từ trước.

*** Bị đơn là anh Lê Văn Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản ý kiến của mình về việc ông T khởi kiện nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Đ.**

*** Bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Văn T đối với anh Lê Văn Đ.

Buộc anh Lê Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tính đến hết ngày 31/01/2024 là: Nợ gốc: 1.000.000 đồng; lãi: 1.905.000 đồng; lãi chậm trả: 957.000 đồng. Tổng cộng: 3.862.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày 01/2/2024, anh Lê Văn Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí:

+ Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- *Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.*

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn, người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 468, Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc anh Lê Văn Đ phải trả cho Ông số tiền là 8.030.000 đồng, bao gồm: gốc 1.000.000, lãi: 2.812.000 đồng, lãi chậm trả: 4.218.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về số tiền nợ lãi.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyền khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc lãi còn thiếu theo Giấy vay tiền ghi ngày 08/01/2010 (Âm lịch).

Yêu cầu của nguyên đơn nêu trên là thực hiện quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định tại Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn X, xã T, S, Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việc được qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về quan hệ pháp luật; tư cách người tham gia tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn T khởi kiện anh Lê Văn Đ yêu cầu anh Lê Văn Đ trả cho ông T số tiền vay nợ. Anh Lê Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Anh Lê Văn Đ không có lời khai, lời trình bày về khoản vay tại cấp sơ thẩm.

Do đó, căn cứ yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xác định bị đơn là anh Lê Văn Đ là tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[1.4]. *Về chứng cứ:*

Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/01/2024, Toà sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự giao nộp và do Toà án thu thập. Đương sự có mặt không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không có ý kiến phản đối về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Toà án sử dụng làm căn cứ giải quyết đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5]. *Về kháng cáo:*

Ngày 19/02/2024, ông Nguyễn Văn T được tổng đạt Bản án sơ thẩm. Ngày 26/02/2024, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm; người kháng cáo được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi kháng cáo của ông Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị xét xử lại bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật, xác định lại số tiền nợ lãi và lãi chậm trả.

[1.6] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm:*

Các đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ hai. Tại phiên toà lần thứ hai, có mặt: ông Nguyễn Văn T - nguyên đơn, người kháng cáo; bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt không có lý do.

[2] **Xét nội dung vụ án:**

[2.1]. *Về quan hệ vay tài sản giữa các bên:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ thể hiện, ông Nguyễn Văn T và anh Lê Văn Đ ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch) có ký hợp đồng về việc vay tiền, cụ thể: ông Nguyễn Văn T cho anh Lê Văn Đ vay số tiền 1.000.000đ, lãi suất là 0,05%/ngày, thời hạn vay là từ ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch) đến ngày 08/6/2020 âm lịch (tức ngày 28/7/2020 dương lịch), thời hạn trả là ngày 08/6/2020 âm lịch trả cả gốc và lãi. Nhưng đến ngày 08/6/2020 âm lịch, anh Lê Văn Đ không trả ông Nguyễn Văn T số tiền gốc, lãi vay như đã thoả thuận.

[2.2]. *Về yêu cầu trả tiền Nợ gốc*

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn T và anh Lê Văn Đ ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch) được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 471, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực ràng buộc giữa các bên.

Thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông Nguyễn Văn T đã cho anh Lê Văn Đ vay số tiền nợ gốc là 1.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông T yêu cầu anh Đ trả nợ số tiền gốc đã vay. Anh Đ không cung cấp ý kiến của mình không đến Tòa án làm việc vì vậy coi như anh Đ đã từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, việc ông T khởi kiện buộc anh Đ phải trả số tiền gốc là 1.000.000 đồng đã vay là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền Nợ lãi:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn T và anh Lê Văn Đ ký ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch), có thời hạn vay từ ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch) đến ngày 08/6/2020 âm lịch (tức ngày 28/7/2020 dương lịch). Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì đây là hợp đồng vay tài sản được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực) và hợp đồng đang được thực hiện khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, việc áp dụng pháp luật để xác định lãi, lãi suất như sau:

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 21/02/2010 đến trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy định pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì khi đến hạn bên vay không trả thì lãi, lãi suất bao gồm: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ lãi, lãi trên nợ gốc quá hạn.

[2.3.1]. Nợ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn T và anh Lê Văn Đ ký ngày 08/01/2010 âm lịch (tức ngày 21/02/2010 dương lịch) có thỏa thuận lãi suất là $0,05\%/ngày = 0,05\% * 365 = 18,25\%/năm$

- Thời gian từ ngày 08/01/2010 âm lịch (21/02/2010 dương lịch) đến ngày 31/12/2016:

Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố đối với loại cho vay tương ứng.

Theo các Quyết định: 3180, 134, 353, 618, 1011, 1311, 1565, 1819, 2281,

2561, 2619/QĐ-NHNN của Ngân hàng N quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 8% kể từ ngày 01/01/2010 đến 30/11/2010.

Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% kể từ ngày 01/12/2010.

Do đó, lãi suất vay do các bên thỏa thuận không quá $8\% * 150\% = 12\%$ trong giai đoạn từ 21/02/2010 đến ngày 30/11/2010; không quá $9\% * 150\% = 13,5\%$ trong giai đoạn từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016.

Vậy, số tiền nợ lãi trên nợ gốc anh Lê Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T trong thời gian từ 21/02/2010 đến ngày 31/12/2016 cụ thể như sau:

+ Từ 21/02/2010 đến ngày 30/11/2010: $1.000.000 \text{ đồng} * 12\% / 365 * 282 \text{ ngày} = 92.712 \text{ đồng}$.

+ Từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016: $1.000.000 \text{ đồng} * 13,5\% / 365 * 2222 \text{ ngày} = 821.836 \text{ đồng}$.

- Thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 08/06/2020 âm lịch (28/7/2020 dương lịch):

Lãi suất hợp đồng vay thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn T và anh Lê Văn Đ là 18,25%, phù hợp với quy định mức lãi suất tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Vậy, số tiền nợ lãi trên nợ gốc anh Lê Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T trong thời gian từ 01/01/2017 đến ngày 28/7/2020 là: $1.000.000 \text{ đồng} * 18,25\% / 365 * 1304 \text{ ngày} = 652.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $92.712 \text{ đồng} + 821.836 \text{ đồng} + 652.000 \text{ đồng} = 1.566.548 \text{ đồng}$.

[2.3.2]. Nợ lãi trên nợ gốc quá hạn

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự: 5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Như vậy từ ngày 29/7/2020, anh Lê Văn Đ không trả ông Nguyễn Văn T tiền gốc lãi theo thỏa thuận. Vì vậy anh Đ phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng. Cụ thể, anh Đ phải chịu lãi chậm trả từ ngày 29/7/2020 đến ngày 31/1/2024 là: $1.000.000 \text{ đồng} * 150\% * 18,25\% / 365 * 1281 \text{ ngày} = 960.750 \text{ đồng}$.

[2.3.3]. Nợ lãi trên nợ lãi

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì: b. Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải

trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = nợ lãi chưa trả*10%/365* thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc = 1.566.548*10%/365*1281 ngày = 549.794 đồng.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T:

Như vậy, tổng số tiền anh Lê Văn Đ phải trả cho ông T tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/01/2024) là:

Tổng cộng: 4.077.092 đồng. Bao gồm:

- Nợ gốc: 1.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 1.566.548 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 960.750 đồng;
- Nợ lãi trên nợ lãi chưa trả: 549.794 đồng.

Kể từ ngày 01/2/2024, anh Lê Văn Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

[4]. Về án phí:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là: 300.000 đồng

Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39, điều 148, điều 271, điều 272, điều 273, điều 296, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều: 121, 122, 124, 305, 388, 463, 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều: 116, 117, 119, 357, 385, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Văn T đối với anh Lê Văn Đ.

Buộc anh Lê Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tính đến hết ngày 31/01/2024 là: Nợ gốc: 1.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.566.548 đồng; Nợ lãi quá hạn: 960.750 đồng; Nợ lãi trên nợ lãi chưa trả: 549.794 đồng. Tổng cộng: **4.077.092** đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày 01/2/2024, anh Lê Văn Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí:

- Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THA DS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thành Chung